

TẬP QUÁN CƯ TRÚ VÀ NHÀ Ở CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI CHƠ-RO Ở ĐỒNG NAI

LÂM NHÂN

1. Giới thiệu

Dân tộc Chơ-ro ở Việt Nam hiện nay có hơn 26.530 người (Thông tấn xã Việt Nam. 2006, tr. 38), sống tập trung đông nhất ở tỉnh Đồng Nai, một số cư trú ở tỉnh Bình Phước và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tên tự gọi của dân tộc Chơ-ro là Chrau - Jro, trong đó Chrau có nghĩa là *người* hay *nhóm người, tập đoàn người*, còn Jro là một danh từ riêng chỉ cộng đồng của họ (Viện Dân tộc học. 1984, tr. 205). Ngoài ra, người Chơ-ro còn được gọi bằng các danh từ có âm gần như vậy: Châu Ro, Chro, Chrau, Jơ Ro, Dơ Ro..., hay bằng một danh từ phiếm chỉ: người Thượng. Trong các tài liệu, sách báo từ sau năm 1975, tộc danh Chơ-ro được sử dụng chính thức. Người Chơ-ro là lớp cư dân cư trú từ xa xưa ở miền núi Nam Đông Dương, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me, thuộc chi miền núi phía Nam. Trước khi có mặt trên những địa bàn cư trú hiện nay, người Chơ-ro phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi thấp, về phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai. Dựa trên một số kết quả nghiên cứu khảo cổ học ở Đông Nam bộ, đồng thời liên kết với những dấu vết nhân chủng và ngôn ngữ, tộc người Chơ-ro (cùng với một số tộc người Mạ, Xtiêng...) là hậu duệ của cư dân cổ Môn - Khơ me và là dân bản địa sinh sống lâu đời ở Đông Nam bộ ngày nay. Cuộc sống của các cư dân này đã có ít nhiều liên kết chặt chẽ, nhằm quản lý khu vực sinh sống rộng lớn của mình.

Tại Đồng Nai, địa bàn sinh sống của người Chơ-ro chủ yếu ở 5 huyện, thị: Long Khánh (chủ yếu ở các xã Xuân Vinh, Xuân Bình), Xuân Lộc (xã Xuân Trường, xã Xuân Phú, xã Xuân Thọ), Định Quán (xã Túc Trung), Vĩnh Cửu (xã Phú Lý), Long Thành (xã Phước Thái). Người Chơ-ro ở Đồng Nai có 15.145 người, xếp thứ ba sau người Kinh và người Hoa (Báo cáo tổng kết của Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai. 2005).

Kinh tế truyền thống của người Chơ-ro ở Đồng Nai là kinh tế nương rẫy. Nguồn sống của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Xưa kia, họ khai thác vùng đồi núi - nơi cư trú của mình - để trồng trọt theo lối du canh du cư, do đó, cuộc sống của họ nghèo khó và không ổn định. Sau này, họ đã biết biến rẫy thành đất định canh và cải tạo nương rẫy thành ruộng nước. Vì vậy, đời sống của họ có phần khá hơn.

Cùng với nông nghiệp nương rẫy và ruộng nước, việc làm vườn, chăn nuôi, săn bắt, đánh cá, hái lượm... là những hoạt động kinh tế bổ trợ. Hai nghề thủ công chính của người Chơ-ro là đan lát và dệt vải. Tuy nhiên, chỉ có nghề đan lát bằng tre mây nứa là phổ biến. Nghề dệt vải dần dần bị mai một và hiện nay đã mất hẳn.

Vốn văn nghệ dân gian của người Chơ-ro khá phong phú, với nhiều thể loại: truyện kể, thơ ca trữ tình, múa, hát đối đáp... Các câu tục ngữ, phương ngôn đúc kết những kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, kinh

nghiệm về ứng xử với thiên nhiên và cuộc sống xã hội của họ.

Người Chơ-ro tin mọi vật đều có linh hồn và tin vào sự chi phối con người của các thần linh. Đó chính là nguyên nhân của các kiêng kỵ và các lễ cúng tế. Họ quan niệm có hai thế giới tồn tại. Thế giới thứ nhất là cuộc sống của con người và vạn vật trên trái đất mà họ cảm nhận được. Thế giới thứ hai là của những lực lượng siêu nhiên, ma quỷ, các vị thần... Chính thế giới thứ hai mới thiêng liêng và quyết định cuộc sống loài người. Thầy bóng là cầu nối giữa con người với các đấng thần linh. Người Chơ-ro có tín ngưỡng đa thần, mà điển hình là với các loại: thần lúa (*yang va*), thần rừng (*yang bri*), thần suối (*yang dal*), thần rẫy (*yang mir*), thần ruộng (*yang mo*)...

2. Khái quát tình hình nghiên cứu

Đến nay, đã có một số công trình của nhiều tác giả nghiên cứu về dân tộc Chơ-ro dưới các góc độ lịch sử, khảo cổ học, dân tộc học, văn hoá học, tôn giáo, y học, kinh tế học...

Người Chơ-ro được các học giả người Pháp nhắc đến đầu tiên trong các nghiên cứu của họ từ giữa thế kỷ XX. Tuy nhiên, các tài liệu này không trực tiếp nghiên cứu về người Chơ-ro, mà chỉ lấy người Chơ-ro là đối tượng so sánh với cư dân Mạ sống cùng địa bàn. Trong số những công trình này, tiêu biểu là cuốn sách “*Xứ người Mạ lãnh thổ của thần linh Nggar Maá, Nggar Yaang*” của tác giả J. Boulbet (1967) (trích từ Phân viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh. 1999).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, với nhiều nguyên nhân khách quan, vấn đề nghiên cứu về người Chơ-ro không được đề cập đến. Chỉ từ sau năm 1975, do nhu cầu

của đất nước, ngay sau khi miền Nam được giải phóng, các học giả trong nước đã bước đầu nghiên cứu về người Chơ-ro trên các lĩnh vực như: kỹ thuật trồng trọt, tín ngưỡng dân gian, văn nghệ dân gian, cưới xin, ma chay, kiến trúc, ngành nghề thủ công... Trong những công trình nghiên cứu này, phải kể đến hai tập sách: *Những vấn đề về dân tộc học miền Nam Việt Nam*, Ban Dân tộc học - Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, xuất bản năm 1978 và *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Viện Dân tộc học - Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam xuất bản năm 1984. Bên cạnh đó, cũng phải kể đến “*Tây Nguyên Tiềm năng và Triển vọng*” của Ngô Văn Lệ và Nguyễn Văn Diệu (1992).

Tiếp theo là một số công trình nghiên cứu tổng quan về người Chơ-ro trong cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam như: “*Việt Nam - hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*” của Thông tấn xã Việt Nam xuất bản năm 2006; “*Bức tranh văn hoá các dân tộc Việt Nam*” do Nguyễn Văn Huy chủ biên, xuất bản năm 1997. Báo cáo về “*Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỷ XX*” của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2000 đã dành một phần giới thiệu về người Chơ-ro với vai trò là dân tộc bản địa ở hai tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngoài ra, một vài công trình nghiên cứu khác về kiến trúc hay văn nghệ dân gian của người Chơ-ro cũng được xuất bản như: “*Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*” của Nguyễn Khắc Tụng (1994); “*Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai*” của Huỳnh Văn Tới (1998). Đặc biệt, “*Người Châu Ro ở Đồng Nai*” của Chi hội Văn nghệ Dân gian Đồng Nai xuất bản năm 1998 là tác phẩm nghiên cứu chuyên sâu về người Chơ-ro trên địa bàn của tỉnh.

Nhìn chung, tất cả các công trình nghiên cứu trên đã giới thiệu khái quát văn hoá của người Chơ-ro ở một số phương diện: văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể bằng các phương pháp tiếp cận và các mục đích nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu lĩnh vực: “*Tập quán cư trú và nhà ở cổ truyền của người Chơ-ro ở Đồng Nai*”.

3. Tập quán cư trú và nhà ở cổ truyền của người Chơ-ro ở Đồng Nai

3.1. Làng (plây)

Làng là đơn vị cư trú của người Chơ-ro, giống như thôn xóm của người Việt. Mỗi làng thường có từ 10 đến 15 nóc nhà dài. Mỗi nhà thường dài khoảng từ 40m - 50m; thậm chí có nhà dài đến 100m, gồm nhiều gia đình sống chung trong một nhà. Các gia đình trong làng thuộc nhiều dòng họ khác nhau, nhưng phần lớn có quan hệ họ hàng với nhau. Xã hội cổ truyền của người Chơ-ro chưa có sự phân hoá giai cấp rõ rệt, không có tranh chấp đất đai giữa làng này với làng khác.

Trước đây, mỗi làng có tên gọi riêng, thường được gọi theo đặc điểm địa hình, sông suối, cây cối, động vật... Đã từ lâu, tên làng của người Chơ-ro được gọi theo tiếng Việt. Trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều làng phải di cư, tránh giặc. Một số làng phải sống tập trung trong các ấp chiến lược của Mỹ - Ngụy.

Cấu trúc gia đình truyền thống của người Chơ-ro gồm nhiều thế hệ, chung sống trong một nhà dài. Mỗi cặp vợ chồng sau khi lấy nhau, họ lại nối phía sau căn nhà dài thêm một hoặc hai gian cho gia đình mới. Mỗi gia đình lớn thường có một *ông đầu nhang* (trưởng họ) để phụ trách các thức, nghi lễ cũng như quyết định các công việc chung. Khi *ông đầu nhang* mất, con trai trưởng sẽ thay thế vị trí của ông ta. Gần đây, hình thức tiểu gia đình được xác lập và ngày càng trở nên phổ biến; theo đó là sự hình thành các ngôi nhà sàn với quy mô và diện tích nhỏ hơn.



Nhà ở của người Chơ-ro tại ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Ảnh: Lâm Nhân

3.2. Nhà sàn

Công việc quan trọng trước khi dựng nhà là chọn đất và hướng nhà. Theo quan niệm của người Chơ-ro, việc này có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống trong tương lai của gia đình và dòng họ. Khu đất dựng nhà thường do nam giới lớn tuổi trong gia đình tìm chọn. Đất được chọn thường là nơi gần suối, tiện cho việc sinh hoạt thường ngày của gia đình sau này. Theo tục lệ, trước khi dựng nhà, *ông đầu nhang* vạch một đường thẳng nhỏ, rồi xếp bảy hạt gạo trên đường thẳng đó và úp một cái bát lên trên. Sáng hôm sau, nếu bảy hạt gạo còn nguyên vẹn và không bị xê dịch, đất đó được coi là tốt cho việc dựng nhà. Trong trường hợp này, người Chơ-ro cho rằng đất ở đó yên ổn, không bị côn trùng (như mối mọt) gây hại và là *điềm báo sự đồng ý của thần linh*. Tục lệ này không chỉ có ở người Chơ-ro mà còn ở một số dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn Tây Nguyên, chẳng hạn như tục bói tìm đất của người Gia rai.

Việc dựng một ngôi nhà sàn dài đòi hỏi không ít thời gian và nhân công, đặc biệt là khâu chuẩn bị nguyên vật liệu. Nguyên liệu để làm nhà là các loại gỗ rừng, tre, nứa, lồ ô, cỏ tranh, lá trung quân, dây mây... Các loại gỗ rừng được dùng làm cột nhà phải nguyên cây và vẫn còn vỏ; các loại tre, nứa, lồ ô... được dùng để làm vách và sàn nhà; lá trung quân, cỏ tranh được dùng để lợp mái; dây mây để buộc. Đặc biệt, về nguyên liệu, gỗ làm cột nhà phải tròn, thẳng và không có các loại dây leo bám trên thân cây. Những người già ở ấp Đức Thắng (xã Túc Trung, huyện Định Quán) giải thích rằng “chọn cây có dây leo bám xung quanh để làm cột nhà thì cuộc sống gia đình sau này sẽ không thoải mái, hay bị ràng buộc”. Dụng cụ làm nhà của

người Chơ-ro tương đối đơn giản, chỉ gồm các loại chày gạc, dao côi, búa...

Thời gian tiến hành dựng nhà thường vào mùa khô. Đây là lúc thời tiết nắng ráo, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển nguyên liệu. Hơn nữa, vào mùa mưa, nguyên liệu bị ướt nên việc buộc dây mây sẽ không được chắc chắn. Công việc dựng nhà thường kéo dài trong khoảng 4 tuần.

Khi làm nhà, người Chơ-ro cần sự chung sức giúp đỡ của tất cả các thành viên trong gia đình, họ hàng và những người xóm giềng. Họ làm đổi công cho nhau, gọi là *vần công*. Thông thường, thay vì trả tiền công cho những người đến giúp đỡ, gia chủ lo cơm nước cho họ. Khi các gia đình khác dựng nhà, họ lại sang làm giúp.

Khi dựng nhà dài, người Chơ-ro đào bốn hố đất và chôn ở đó bốn cây cột. Sau đó, *ông đầu nhang* hoặc già làng khấn thần đất và dùng dây mây đo hai đường chéo của bốn cột gỗ đó. Nếu hai đường chéo bằng nhau là được; nếu hai đường này không khớp nhau, họ nhổ cột lên rồi chôn lại và tiếp tục đo. Trường hợp cột phải nhổ lên và chôn lại ba lần mà hai đường chéo vẫn không bằng nhau, chủ nhà sẽ bỏ khu đất đó, tìm nơi khác dựng nhà. Theo quan niệm của họ, việc hai đường chéo của bốn góc nhà không bằng nhau chứng tỏ *thần đất không hài lòng* khi họ dựng nhà. Và nếu chủ nhà vẫn cố dựng nhà trên khu đất đó, sau này con cái sẽ ốm đau, bệnh tật, làm ăn không thuận lợi và không hạnh phúc...

Nhà dài của người Chơ-ro được bố trí theo trục hướng *bắc - nam*. Cửa chính thường quay về hướng nam. Nhà dài được bố trí sao cho *vuông góc với hướng di chuyển của mặt*

trời, để hàng ngày, mặt trời đi ngang qua nóc nhà. Người Chơ-ro không làm cửa hướng tây hoặc hướng đông vì họ quan niệm rằng nếu mặt trời sẽ đi dọc theo chiều dài căn nhà thì các thành viên trong gia đình sẽ bị nóng bức và đau ốm thường xuyên...

Để làm một ngôi nhà, cần phải dựng khung và mái nhà. Khi dựng bộ khung mái nhà, người dân dùng cây tre thẳng làm thành những vì kèo, rồi cột chúng lại bằng dây mây chằng khít, chặt và đẹp. Phương pháp cột bằng dây mây của người Chơ-ro cũng rất độc đáo, theo kiểu quấn và rút. Ngoài việc đảm bảo độ chắc chắn, còn có yếu tố thẩm mỹ. Trước khi cột dây, người ta ngâm mây vào nước để dây mềm, nhờ vậy, sẽ dễ cột và rút. Kèo trên mái nhà phải được buộc đều theo cùng một phía: hoặc cùng bên phải, hoặc cùng bên trái; nếu không, theo quan niệm, mọi người trong gia đình hay mâu thuẫn. Số lượng lớp lá lợp mái phải là số lẻ, tránh/kiêng số chẵn. Theo lý giải của già làng Nguyễn Văn Nổi ở ấp Lý Lịch 2 (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu), “số lượng lá lẻ là do người dân quan niệm “sinh, bệnh, lão, tử”. Vì vậy, số lượng lớp mái phải tránh số chẵn. Sau đó là việc lắp ráp bộ khung nhà trên nền đất bằng phẳng. Tiếp theo, kèo của mái nhà được đặt khớp với các đầu cột đã được dựng sẵn. Khi khung nhà đã tương đối hoàn chỉnh, người ta tiến hành hoàn thiện các phần còn lại của ngôi nhà. Sàn nhà được làm bằng thân tre đập dập, trải ngang đều trên khung sàn nhà và được buộc chắc chắn bằng dây mây. Trên sàn nhà dài, ngoài các đà ngang, dọc đã được dựng sẵn, người ta đặt một thanh gỗ lớn có bề ngang khoảng 20 - 25cm, phẳng lệch về phía tây, dọc theo suốt chiều dài của căn nhà. Mọi người trong dòng họ và gia đình đi lại trên thanh gỗ này

để tránh tiếng động, làm phiền người khác. Vách nhà cũng được làm bằng thân tre đập dập và cột bằng dây mây rừng. Vách nhà của người Chơ-ro khá độc đáo, thường được đặt nghiêng khoảng 15 độ. Theo lời giải thích của các già làng, làm như vậy để tạo chỗ dựa lưng khi ngồi và căn nhà sẽ rộng rãi, thoáng hơn. Trên nhà sàn của người Chơ-ro không có bàn ghế; họ dựa lưng vào vách nhà để ngồi nói chuyện, uống nước. Đồng thời, dọc theo vách ngang tầm mắt người ngồi được để hở để đón nhận ánh sáng, lưu thông không khí và dễ dàng quan sát phía ngoài.

Thông thường, đầu nhà dài được làm cố định. Gian đầu tiên sẽ dành cho già làng hoặc *ông đầu nhang*. Phần phía sau cứ tiếp tục nối dài từng gian một theo sự phát triển của các gia đình trong dòng họ. Mỗi khi có con gái trong gia đình cưới, người ta làm thêm một gian mới tiếp nối với ngôi nhà theo hướng bắc. Khi không thể nối dài hơn được nữa, họ tiếp tục làm một nhà dài khác song song với ngôi nhà cũ.

Bàn thờ thần thường được bố trí ở giữa ngôi nhà dài, theo hướng mặt trời mọc. Trước bàn thờ, họ đặt các *đầu nhang* của các gia đình lớn trong dòng họ và chỉ có những *ông đầu nhang* mới được phép cúng thần trên bàn thờ trong các dịp lễ. Bếp của mỗi gian nhà (mỗi gia đình) được đặt ở góc bên trái, phía tây. Khi ngủ gần bếp, họ kiêng nằm vuông góc với bếp hoặc quay chân về phía bếp vì sợ gia đình sẽ không mạnh khỏe, dễ bị bệnh tiêu chảy. Nếu họ nằm quay đầu về phía bếp, người nhà cảm thấy nóng bức, khó chịu trong cơ thể. Khi ngủ, chỉ nên nằm song song với bếp. Phía cửa ra vào của mỗi ngôi nhà thường treo tổ ong vò vẽ khô (không còn ong). Theo quan niệm của người dân, họ làm vậy là để nếu có con ma vào nhà

quấy phá gia đình, nó sẽ nhìn thấy tổ ong đầu tiên. Con ma sẽ đếm các lỗ của tổ ong nhưng khó thực hiện vì tổ ong có nhiều lỗ nên đếm nhầm và phải đếm đi đếm lại nhiều lần, đến khi trời sáng vẫn chưa đếm xong. Bởi vậy, ma sẽ không vào được nhà để quấy phá gia đình.

3.3. Kho thóc

Kho thóc của người Chơ-ro được làm sau khi đã hoàn thành ngôi nhà dài. Mỗi gia đình đều làm một kho thóc gần nhà ở. Lúa là cây lương thực chính được người Chơ-ro coi trọng. Họ không để lúa chung với con người vì sợ làm ô uế thân lúa. Kho được làm lớn hoặc nhỏ tùy theo lượng sản phẩm thu hoạch và số nhân khẩu trong gia đình. Thông thường kho thóc của đồng bào có diện tích là 6m² (2m x 3m). Kho được thiết kế theo dạng nhà sàn, có bốn cột, sàn cao khoảng 1,5m. Hướng của kho ngược lại hoàn

toàn so với hướng của ngôi nhà dài; cửa kho quay về hướng mặt trời mọc. Theo quan niệm của người Chơ-ro, chiều dài của kho thóc phải song song với hướng di chuyển của mặt trời để ánh nắng sưởi ấm lương thực của họ. Ở phía dưới sàn, nơi tiếp giáp giữa cột và sàn kho, người ta dùng các mảnh gỗ là tiết diện của thân cây gỗ tròn (dày khoảng 10cm, đường kính 50 - 70cm), được cắt làm đôi và khoét lỗ ở giữa sao cho khi lắp ghép, mảnh gỗ này vừa khít với thân cột nhằm ngăn cản các loại thú (chuột, sóc...) leo lên kho ăn lúa.

Trong suốt quá trình làm nhà, gia chủ thường tổ chức hai lần cúng thần đất và tổ tiên. Lần thứ nhất là khi chọn đất làm nhà; lần thứ hai - khi khánh thành nhà. Lễ vật (thông thường là gà, lợn, dê, rượu, bánh, trái...) nhiều hay ít là tùy khả năng kinh tế của gia đình, dòng họ.



Kho lúa của gia đình già làng Nguyễn Văn Nổi, ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Ảnh: Lâm Nhân

Sau này, nhà sàn dài của nhiều gia đình cùng dòng họ đã dần dần bị thay thế bằng các nhà sàn nhỏ của từng gia đình. Các ngôi nhà nhỏ nằm cận kề nhau, tập trung khoảng 10 đến 15 nóc nhà thành từng ấp. Mỗi ngôi nhà khoảng 30 - 40m², sàn cao 1,2 - 1,5m, cầu thang lên ở phía đầu hồi. Phần giữa nhà là nơi sinh hoạt chung của cả gia đình. Phía cuối nhà là nơi ngủ, được ngăn cách bằng các vách liếp và trải chiếu lùng (đạn từ cây lùng). Các ngôi nhà thuộc tiểu gia đình này vẫn tuân thủ nguyên tắc hướng nhà như đã trình bày ở trên.

Tại ấp Lý Lịch (xã Phú Lý, huyện Vĩnh

Cửu tinh Đồng Nai), hiện nay, một số hộ nghèo người Chơ-ro được UBND tỉnh, huyện và các hội từ thiện hỗ trợ xây nhà tình thương. Các ngôi nhà tình thương này thường có hướng quay ra mặt đường, vì vậy, không tuân thủ theo hướng nhà mà người Chơ-ro từng lựa chọn. Qua khảo sát của chúng tôi, người Chơ-ro chủ yếu dùng những ngôi nhà tình thương này để tiếp khách chứ không ở. Họ làm một ngôi nhà sàn nhỏ khác bên cạnh và theo người dân, họ vẫn thích ở nhà sàn hơn nhà gạch. Đây cũng là nơi duy nhất người dân Chơ-ro còn ở nhà sàn. Ở các khu vực sinh sống khác của người Chơ-ro ở tỉnh Đồng Nai, nhà gạch đã thay thế nhà sàn.



Ngôi nhà tình thương bên cạnh nhà sàn truyền thống

Ảnh: Lâm Nhân

4. Kết luận

Hiện nay, hầu hết người Chơ-ro ở nhà trệt như người Việt. Các ngôi nhà sàn theo thời gian và do ảnh hưởng của chiến tranh dần dần bị hư hại. Nguyên liệu gỗ ngày càng khan hiếm cũng hạn chế nhiều việc dựng lại nhà sàn mới. Trong nhiều ấp và xã có đông người Chơ-ro ở các huyện Định Quán, Xuân Lộc, Long Thành, các ngôi nhà trệt tường gạch mái tôn gần như thay thế nhà sàn. Do nhiều nguyên nhân (như sự gia tăng dân số, suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng của kinh tế, xã hội), văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã và đang có những biến đổi nhanh chóng và mạnh mẽ. Đối với lĩnh vực tập quán cư trú và nhà cửa, sự biến đổi này vừa mang yếu tố vật chất (nguyên vật liệu, công cụ làm nhà...), vừa mang yếu tố tinh thần (các nghi lễ). Đặc biệt, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cuộc sống của người dân Chơ-ro ngày càng ổn định và thu nhập ngày càng cao, khiến cho đồ dùng sinh hoạt hàng ngày của họ cũng phong phú và tiện nghi hơn. Người dân xây dựng những ngôi nhà gạch, mái ngói, sắm đồ dùng đắt tiền như giường, tủ, karaoke, ti vi, xe máy...

Tuy nhiên, về nội lực, thế hệ trẻ người Chơ-ro rất mong gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc mình. Nhiều người dân Chơ-ro ở ấp Đồng Xoài, xã Túc Trưng, huyện Định Quán mong muốn bảo tồn nếp sinh hoạt trên ngôi nhà sàn. Ấp Lý Lịch (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu) là nơi còn khá nhiều nhà sàn. Nhà nước đã giúp đỡ xây dựng nhiều ngôi nhà tình thương với nguyên liệu mới là gạch

và mái ngói để thay cho một số nhà sàn cũ nát. Tuy nhiên, người dân Chơ-ro vẫn có thói quen sống trong nhà sàn; do vậy, hàng ngày họ sinh hoạt ở đó, còn ngôi nhà mái ngói chỉ là nơi ngủ đêm hoặc dành cho khách đến chơi. Già làng Văn Lương và những người dân Chơ-ro trong ấp Trung Sơn (xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc) phấn khởi vì họ đã được Nhà nước cho phép xây dựng lại ngôi nhà rông theo kiểu truyền thống tại giữa ấp. Những người dân ở đây cũng mong cán bộ văn hoá của xã, huyện, tỉnh giúp đỡ họ tổ chức các sinh hoạt cộng đồng theo phong tục cổ truyền để ngôi nhà rông phát huy tác dụng, đồng thời cũng là biện pháp tuyên truyền giáo dục những nét văn hoá đẹp của người Chơ-ro.

Chính vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu tập quán cư trú và nhà ở của người Chơ-ro nói riêng, các dân tộc ở Việt Nam nói chung, cả trong lĩnh vực vật chất và lĩnh vực tâm linh, nhằm tìm ra những yếu tố cổ truyền còn phù hợp cần được phát huy và những yếu tố đã lỗi thời cần thay đổi là việc làm cần thiết và có ý nghĩa.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc học - Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1978), *Những vấn đề về dân tộc học miền Nam Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Báo cáo tổng kết của Ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đồng Nai (2005).
3. *Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỷ XX* (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Chi hội Văn nghệ Dân gian Đồng Nai (1998), *Người Châu Ro ở Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.

5. Nguyễn Văn Huy (chủ biên) (1997), *Bức tranh văn hoá các dân tộc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Ngô Văn Lê, Nguyễn Văn Diệu (1992), *Tây Nguyên Tiềm năng và Triển vọng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Phân viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh, Dịch giả Đỗ Văn Anh (1999), *Xứ người Mạ lãnh thổ của thần linh, Nnggar Maá, Nnggar Yaang*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.

8. Thông tấn xã Việt Nam (2006), *Việt Nam - Hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.

9. Tổng cục Thống kê (1999), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999 - kết quả điều tra toàn bộ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

10. Huỳnh Văn Tới (1998), *Bản sắc dân tộc và văn hóa Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.

11. Nguyễn Khắc Tụng (1994), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.

12. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



Ruộng lúa người Thái ở Mường Tè, Lai Châu

Ảnh: Tư liệu Viện Dân tộc học